

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2019/DS-ST

Ngày: 17-10-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ân
Ông Lê Văn Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 272/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán T sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:*

*Nguyên đơn: Ông Đỗ Tấn K, S năm 1979. Địa chỉ: Ấp 11, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Dân S, sinh năm 1957. Địa chỉ: số 1/3A1, đường T, khu phố a, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn : Bà Đặng Thị T, S năm 1963. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh T, S năm 1964. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Ông S, bà T có mặt; ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các văn bản, T liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Dân S trình bày:

Ông Đỗ Tấn K là đại diện hộ kinh doanh Đỗ Tấn K, đăng ký kinh doanh thức ăn gia súc, thực phẩm công nghệ, tạp hóa,... Vào khoảng đầu năm 2017, đại lý thức ăn của ông K có bán thức ăn chăn nuôi cho bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thanh T. Hình thức bán thức ăn chỉ giao kết bằng lời nói, mỗi khi bên mua cần thì gọi điện thoại bên bán sẽ giao thức ăn tận nhà, mỗi khi giao thức ăn hai bên có ghi sổ theo dõi. Hai bên giao kết cho bên mua nợ tiền thức ăn đến khi xuất chuồng lứa heo nào sẽ thanh toán dứt điểm tiền thức ăn còn nợ. Phía bà T và ông T có trả tiền thức ăn mỗi khi bán heo nhưng không trả hết tiền nợ. Đến ngày 04/2/2018, hai bên có ngồi lại đối chiếu và xác nhận số tiền thức ăn bà T và ông T còn nợ là 176.437.000 đồng. Đến ngày 25/9/2019, bà T đã trả 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại ông K số tiền 166.437.000 đồng.

Việc bà T nuôi heo là để phát triển kinh tế gia đình. Bà T và ông T là vợ chồng cùng chung sống với nhau. Vì vậy, ông Đỗ Tấn K yêu cầu bà T và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông K số tiền mua thức ăn còn nợ là 166.437.000 đồng. Ông K không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Bà có mua thức ăn gia súc của ông Đỗ Tấn K từ nhiều năm nay. Hai bên giao dịch bằng lời nói và có ghi vào sổ theo dõi, mỗi bên giữ một cuốn, thỏa thuận đến khi bán heo sẽ trả tiền thức ăn. Thời gian đầu bà T trả tiền thức ăn đầy đủ cho ông K. Nhưng đến năm 2017, do giá heo sụt giảm và heo bị dịch bệnh phải tiêu hủy nên bà T không có tiền trả tiền thức ăn cho ông K như đã thỏa thuận và ông K cũng ngưng bán thức ăn cho bà từ năm 2017. Đến ngày 04/02/2018, hai bên thống nhất số tiền thức ăn bà T còn nợ ông K là 176.437.000 đồng. Vào ngày 25/9/2019, bà T đã trả cho ông K 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 166.437.000 đồng.

Việc bà T chăn nuôi là để phát triển kinh tế gia đình và kiếm tiền trang trải cuộc sống. Bà và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Hiện tại ông T vẫn sống chung nhà với bà. Tuy nhiên, việc chăn nuôi heo và mua thức ăn của ông K chỉ do một mình bà thực hiện chứ ông T không phụ bà. Ông T bị tai nạn giao thông từ năm 2016 hiện không còn khả năng lao động, cuộc sống và S hoạt của ông T đều do bà lo. Bà đồng ý chịu trách nhiệm một mình trả cho ông K số tiền còn nợ là 166.347.000 đồng vì hiện nay ông T không còn khả năng lao động. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bà và ông T cũng đang thế chấp quyền sử dụng đất để vay ngân hàng TMCP Công Thương – CN Bến Tre số tiền 350.000.000 đồng nên không có khả năng trả nợ cho ông K, bà xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng.

T quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt và cũng

không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên T hồ sơ không có lời trình bày của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có T hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đỗ Tấn K khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thanh T trả tiền mua thức ăn còn nợ. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện tại bà T và ông T đang cư trú tại xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do tại phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Đỗ Tấn K khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thanh T liên đới trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 166.437.000 đồng. Chứng cứ do ông K đưa ra là giấy xác nhận nợ đề ngày 04/02/2018 với nội dung “tôi Đặng Thị T có gửi em K 10.000.000 đồng, còn nợ lại 176.437.000 đồng” và biên nhận đề ngày 25/9/2019 với nội dung bà T có trả cho ông K 10.000.000 đồng, còn nợ lại 166.437.000 đồng.

Tại Tòa bà Đặng Thị T cũng thống nhất với những chứng cứ do bên nguyên đơn đưa ra. Bà T thừa nhận hiện nay còn nợ ông Đỗ Tấn K số tiền mua thức ăn là 166.437.000 đồng nhưng do kinh tế khó khăn chưa có tiền trả cho ông K. Bà T xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

T quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt, không có bất kỳ ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của ông K.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị T là vợ chồng. Ông bà có đăng ký kết hôn từ năm 1982, bà T cho rằng ông bà đã ly thân khoảng 8 năm nay, việc chăn nuôi heo do một mình bà làm. Tuy nhiên, hiện ông bà vẫn còn chung sống với nhau. Theo khoản 13, Điều 3 Luật hôn nhân gia đình quy định “thời kỳ hôn nhân là khoảng thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng, tính từ ngày đăng ký kết hôn cho đến ngày chấm dứt hôn nhân”. Ngày chấm dứt hôn nhân là ngày vợ hoặc chồng chết hoặc ngày bản án, quyết định của Tòa án cho ly hôn có hiệu lực. Thực tế ông bà chưa ly hôn nên quan hệ hôn nhân vẫn còn tồn tại. Bà T cũng thừa nhận những năm gần đây ông T bị tai nạn giao thông, bà cũng dùng nguồn thu từ việc chăn nuôi heo để trang trải cuộc sống gia đình, chăm lo chữa bệnh và ăn uống cho ông T. Như vậy, tuy việc mua thức ăn chăn nuôi và ký xác nhận nợ chỉ do một mình bà T thực hiện, nhưng các giao dịch này nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, ông T phải có trách nhiệm liên đới với

bà T trả tiền thức ăn còn nợ cho ông K là phù hợp theo quy định tại Điều 27 luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định T hợp đồng”. Do đó, ông K khởi kiện yêu cầu bà T và ông T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ là có cơ sở nên được chấp nhận. Đối với ý kiến của bà T xin được trả dần số tiền trên, nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà T và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho ông K số tiền là 166.437.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 280, 288 của Bộ Luật dân sự 2015.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tấn K về việc yêu cầu bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thanh T chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Đỗ Tấn K số tiền mua thức ăn còn nợ là 166.437.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Ông Đỗ Tấn K không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nên không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tấn K được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí. Bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $166.437.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.321.850 \text{ đồng}$, T đó bà Đặng Thị T phải nộp là 4.160.925đ (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng). Ông Nguyễn Thanh T phải nộp là 4.160.925đ (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) tuy nhiên ông Nguyễn Thanh T là thân nhân gia đình liệt sỹ nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 280, 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tấn K đối với bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thanh T, cụ thể:

Buộc bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đỗ Tấn K số tiền 166.437.000đ (một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

- Bà Đặng Thị T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 4.160.925 đ (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng). Ông Nguyễn Thanh T được miễn nộp án phí.

- Chi cục thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho ông Đỗ Tấn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.410.000đ (bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005625 ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

[3] Đương sự có mặt được quyền kháng cáo T thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Thanh T vắng mặt được quyền kháng cáo T thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan